

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/02/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lò Thị Thanh Bình**.

Ông Nông Trung Kiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Tiến Trường**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST- HNGĐ ngày 17/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**; sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;

Chỗ ở hiện nay: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (*có mặt tại phiên tòa*).

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T1**; sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng và cưới theo phong tục dân tộc từ năm 2010 cho đến ngày 28/4/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T1 thường xuyên uống rượu rồi đánh đập chị T thường xuyên, ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sức khỏe của chị T,

không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống ngày càng không dung hòa được, nghĩ rằng cuộc hôn nhân không thể cố gắng thêm được nữa, anh chị đã sống ly thân chị T chuyển về nhà bố mẹ sinh sống ở Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn T1.

2. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lò Thị Vân N; sinh ngày 09/5/2010. Chị T có nguyện vọng sau khi ly hôn chị sẽ là người nuôi cháu N cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Vấn đề cấp dưỡng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 28/11/2024 chị Lò Thị T nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn T1 có địa chỉ tại: Bản T, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Các vấn đề khác: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh T1 vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh T1 không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị Lò Thị T2 và anh Lò Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng và cưới theo phong tục dân tộc từ năm 2010 cho đến ngày 28/4/2014 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa chị T2 và anh T1 đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên luôn phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân chính là do anh T1 thường

xuyên uống rượu rồi thường xuyên đánh đập chị T, ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sức khỏe của chị T, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống ngày càng không dung hòa được, nghĩ rằng cuộc hôn nhân không thể cố gắng thêm được nữa, anh chị đã sống ly thân chị T chuyển về nhà bố mẹ sinh sống ở Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T1.

Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân chị T nộp tại Toà án và tại phiên tòa thể hiện chị T đã chuyển về sinh sống tại địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Điều đó chứng tỏ rằng anh chị đã không còn muốn chung sống cùng nhau nữa. Sau khi thụ lý vụ án anh T1 không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh T1 chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ lâu, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của anh chị vẫn hòa thuận, hạnh phúc. HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa chị Lò Thị T2 và anh Lò Văn T1.

[2.2] Xét về con chung: Tại đơn khởi kiện nhận ngày 28/11/2024 chị T trình bày. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị T sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và xét đơn trình bày nguyện vọng của cháu Lò Thị Vân N mong muốn được ở cùng với mẹ đẻ là chị T. HĐXX thấy rằng trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh T1 không tham gia, không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án về quan điểm của mình, như vậy cho thấy rằng bản thân anh T1 đã tự tước bỏ các quyền đó. Vì vậy HĐXX xét thấy hiện tại chị T mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung là cháu Lò Thị Vân N; sinh ngày 09/5/2010. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh T1 có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị T.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên gia đình chị T thuộc hộ nghèo tại địa phương (có giấy chứng nhận hộ nghèo), chị T có đơn xin miễn án phí. HĐXX chấp nhận miễn án phí DSST cho chị Lò Thị T.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị T với anh Lò Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lò Thị Vân N; sinh ngày 09/5/2010 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự chị Lò Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/02/2024).

Anh Lò Văn T1 vắng M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã Hua Thanh, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Chấn, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tố Loan

